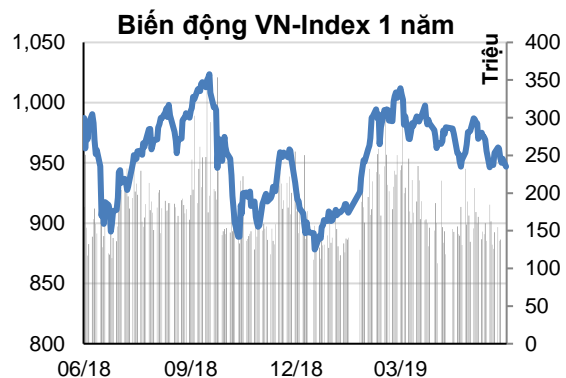


## Biến động thị trường

	17/06	1T (%)	3T (%)
VN Index	947	-3.0%	-5.7%
GTGD	3,591	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	104	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Nguồn: Bloomberg

## Trái phiếu và Hàng hóa

	17/06	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	3.248%	3.268%	3.103%
Lãi suất TPCP 3 năm	3.635%	3.617%	3.378%
Lãi suất TPCP 10 năm	4.695%	4.790%	4.797%
Dầu WTI (USD/thùng)	52.21	62.76	58.52
Vàng (USD/oz)	1,334	1,278	1,302



### Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585

(Ext: 1464)

hieus.ttm@kisvn.vn

www.kisvn.vn



### Hoàng Huy

(+84 28) 3914 8585

(Ext: 1450)

huy.hoang@kisvn.vn

www.kisvn.vn

## Agribank trên đường trở thành đợt IPO đáng chờ đợi

Thị trường chứng khoán Việt Nam mở cửa giảm điểm ngày hôm qua khi nhà đầu tư nín thở chờ các quyết định chính sách của các ngân hàng trung ương toàn cầu trong tuần này. VNIndex giảm 0.7% còn 946.95 điểm trong khi HNXIndex tăng nhẹ 0.04% lên 103.50 điểm. Thanh khoản tăng cho thấy tâm lý tiêu cực hơn.

Agribank vừa công bố kết quả kinh doanh 4T2019 với LNTT 4.1 nghìn tỷ đồng, tương đương 56% lợi nhuận năm ngoài và hoàn thành 41% kế hoạch năm nay. Là một trong những thương vụ IPO chính mà Nhà nước phải thực hiện trong tương lai gần, kết quả kinh doanh của Agribank đã cải thiện đáng kể trong những năm gần đây. Năm 2018, Agribank ghi nhận 5,675 tỷ đồng LNST, tăng vọt 64% n/n. NIM cải thiện lên 3.43%, cao so với các ngân hàng nội địa khác, trong khi ROE là 10.81% và ROA là 0.47%.

Agribank đã rất tích cực trong việc trích lập dự phòng tín dụng trong các năm gần đây. Dự phòng tín dụng chiếm 85% lợi nhuận trước dự phòng năm 2017 và 75% năm 2018, là một trong những tỷ lệ cao nhất trong các NHTM. Năm 2018, dự phòng tín dụng cho trái phiếu VAMC là 9,678 tỷ đồng, chiếm 45% tổng dự phòng tín dụng. Tính tới cuối 2018, Agribank đang giữ 7,749 tỷ đồng trái phiếu VAMC, trong đó 5,394 tỷ đồng đã trích lập dự phòng. Do đó, một trong những điểm nhấn đầu tư của Agribank là chi phí dự phòng tín dụng sẽ giảm mạnh trong năm nay.

Tính tới cuối 2018, Agribank có 1,282 nghìn tỷ đồng tổng tài sản, tăng 11% n/n, và dư nợ là 1,006 nghìn tỷ đồng, tăng 14% n/n. NPL giảm còn 1.6% và LLC là 85%. Do tỷ lệ LDR là 91.2% và vốn chủ sở hữu chỉ chiếm 4.5% tổng nguồn vốn, Agribank cần phải tăng vốn để đáp ứng yêu cầu vốn hoạt động và tăng trưởng tín dụng. Do đó, đợt IPO của ngân hàng này, dự kiến trong năm nay (nhưng nhiều khả năng sẽ tiếp tục trì hoãn lần nữa), là một trong những đợt IPO được kỳ vọng nhất ở Việt Nam. Tuy nhiên, do sở hữu nhiều đất đai có tổng diện tích khoảng 3 triệu m2 trên cả nước, giá trị của ngân hàng này không chỉ nằm ở hoạt động kinh doanh chính mà còn ở diện tích đất, khiến việc định giá ngân hàng trở nên rất khó khăn.

Quay trở lại thị trường chứng khoán niêm yết, do được thêm vào danh mục của cả 2 quỹ ETF là VanEck Vectors Vietnam và DB Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ở kỳ review thứ 2 trong năm, POW là điểm sáng ngày hôm qua, đóng góp nhiều vào VNIndex. Tiềm ích là ngành tăng điểm duy nhất. CTG, EIB và BVH của ngành Tài chính cũng nằm trong nhóm đóng góp điểm tăng nhiều nhất cho VNIndex. Ở chiều ngược lại, VHM, VIC, VRE và NVL đóng góp nhiều nhất vào đà giảm của VNIndex. Kết quả là ngành Bất động sản là ngành tụt nhất ngày hôm qua.

Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng phiên thứ 2 liên tiếp, đạt 104 tỷ đồng trên HSX và tập trung vào VNM, POW, BVH và chứng chỉ quỹ VFM VN30 ETF.

**Nhận xét thị trường:** Chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ hồi phục nhẹ ngày hôm nay.

# Thống kê thị trường

## SÀN GIAO DỊCH HSX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
VN-Index	947	-6.66	-0.7%	SL CP tăng giá	118
KLGD ('000 cổ phiếu)	174,370	19,083	12.3%	SL CP giảm giá	184
GTGD (tỷ VND)	3,591	219	6.5%	SL CP không đổi	77

### Top 5 cổ phiếu Leader

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
POW	15,950	350	0.25
CTG	20,450	150	0.17
EIB	18,550	350	0.13
BVH	80,500	500	0.11
DTL	28,850	1,850	0.03

### Top 5 cổ phiếu Laggard

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
VHM	78,000	-1,900	-1.901
VIC	114,500	-1,000	-1.000
VRE	34,000	-900	-0.626
NVL	57,800	-1,600	-0.445
TCB	20,800	-400	-0.418

### Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	triệu cp	tỷ đồng
ROS	30,150	10.49	314.9
HPG	22,450	3.64	82.2
VNM	123,700	0.63	78.0
VCB	69,200	1.02	70.9
VJC	119,900	0.57	68.1

### Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Dịch vụ tiện ích	0.3%	0.26

### Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Khác	-1.8%	-0.02
Bất động sản	-1.6%	-4.15
Nguyên vật liệu	-1.4%	-0.42
Y Tế	-1.2%	-0.11
TD không thiết yếu	-1.1%	-0.34

## SÀN GIAO DỊCH HNX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
HNX-Index	104	0.04	0.0%	SL CP tăng giá	90
KLGD ('000 cổ phiếu)	22,278	-13,527	-37.8%	SL CP giảm giá	82
GTGD (tỷ VND)	282	-61	-17.7%	SL CP không đổi	194

### Top 5 cổ phiếu Leader

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
VCG	28,100	1,600	0.11
OCH	9,300	600	0.06
PVS	22,000	200	0.05
SJE	29,000	2,500	0.04
VCR	29,300	2,600	0.03

### Top 5 cổ phiếu Laggard

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
DBC	22,000	-900	-0.06
DNP	14,000	-500	-0.03
API	22,900	-1,700	-0.02
CEO	11,500	-200	-0.02
AMV	29,500	-900	-0.02

### Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	triệu cp	tỷ đồng
VCG	28,100	2.49	69.1
PVS	22,000	1.60	35.2
ACB	28,700	0.90	25.7
SHB	7,000	1.78	12.4
NDN	14,800	0.82	12.2

### Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Khác	3.9%	0.00
TD không thiết yếu	2.4%	0.04
Công nghiệp	1.9%	0.08
Năng lượng	0.5%	0.04
Dịch vụ tiện ích	0.1%	0.00

### Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Y Tế	-1.2%	-0.03
TD thiết yếu	-0.8%	-6.0%
Bất động sản	-0.2%	-3.3%
CNTT	-0.1%	-0.2%
Tài chính	0.0%	-0.2%

## Giao dịch khối ngoại

### HOSE

#### Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VNM	123,700	127.3	98.6	28.7
POW	15,950	84.3	61.4	22.9
BVH	80,500	17.7	2.3	15.3
E1VFN30	14,190	15.2	0.0	15.2
AST	65,800	13.8	0.3	13.5

#### Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
EIB	18,550	0.0	15.5	-15.5
HPG	22,450	6.9	22.1	-15.2
VRE	34,000	40.0	49.2	-9.3
VHC	85,000	0.1	3.8	-3.8
NT2	26,850	0.0	2.7	-2.7

### HNX

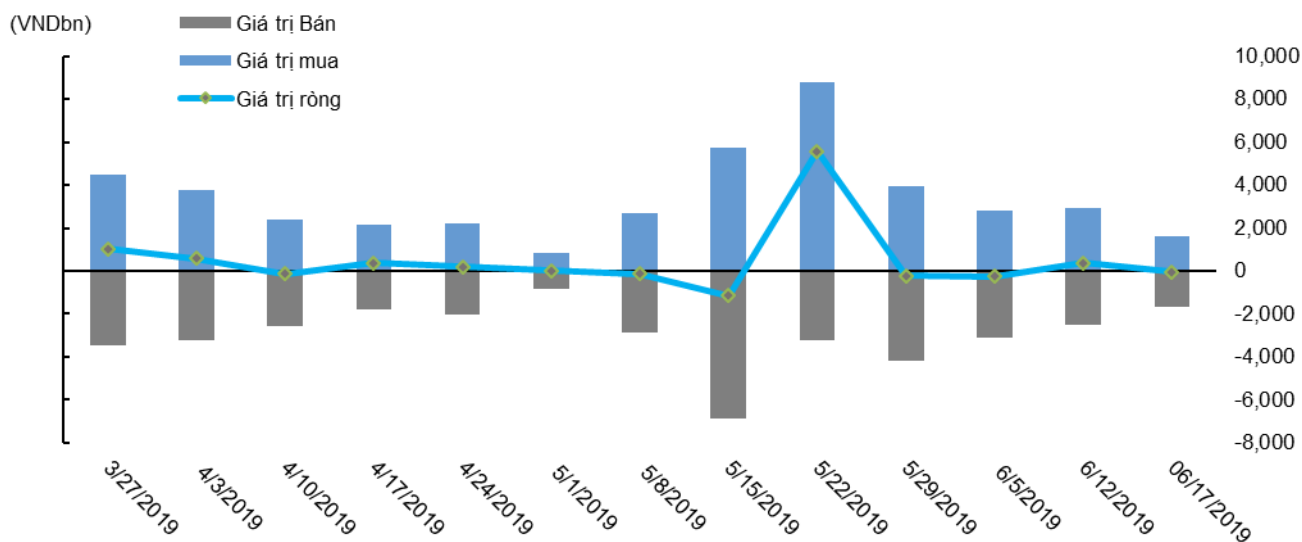
#### Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
PVS	22,000	3.1	0.0	3.1
SHE	13,600	0.1	0.0	0.1
SHB	7,000	0.1	0.0	0.1
CSC	17,600	0.1	0.0	0.1
SHS	11,700	1.0	1.0	0.1

#### Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
DAE	16,600	0.0	0.9	-0.9
WCS	159,000	0.0	0.0	0.0
WCS	159,000	0.0	0.0	0.0
DNP	14,000	0.0	0.4	-0.4
DBC	22,000	0.0	0.3	-0.3

### Diễn biến giao dịch khối ngoại



## Lịch sự kiện

Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
18/06/2019	28/06/2019	CIA	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2,000đ/cp)
18/06/2019	18/06/2019	CLG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
18/06/2019	18/06/2019	GIL	HSX	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (tỷ lệ 100:21)
18/06/2019	18/06/2019	NAU	Upcom	Thực hiện tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
18/06/2019	18/06/2019	POT	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
18/06/2019	18/06/2019	QNS	Upcom	Giao dịch 58,513,854 cổ phiếu niêm yết bổ sung
18/06/2019	11/07/2019	STP	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)
18/06/2019	18/06/2019	TGP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
18/06/2019	18/06/2019	VSF	Upcom	Giao dịch 385,169,000 cổ phiếu niêm yết bổ sung
19/06/2019	19/06/2019	APG	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2019
19/06/2019	27/06/2019	BLW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (129đ/cp)
19/06/2019	19/06/2019	BSI	HSX	Trả cổ tức năm 2018 (tỷ lệ 100:10)
19/06/2019	10/07/2019	DNS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (950đ/cp)
19/06/2019	01/07/2019	DSV	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)
19/06/2019	28/08/2019	DVP	HSX	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2018 (1,500đ/cp)
19/06/2019	19/06/2019	HFC	Upcom	Trả cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 6%)
19/06/2019	10/07/2019	PAC	HSX	Chi quyết toán cổ tức năm 2018 (500đ/cp)
19/06/2019	19/06/2019	PC1	HSX	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 (tỷ lệ 100:20)
19/06/2019	19/06/2019	PPP	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%)
19/06/2019	19/06/2019	PRO	Upcom	Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019
19/06/2019	01/07/2019	PTX	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,300đ/cp)
19/06/2019	15/07/2019	SAL	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (382đ/cp)
19/06/2019	15/07/2019	SHS	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,500đ/cp)
19/06/2019	25/07/2019	TVT	HSX	Trả cổ tức năm 2018 (10,000đ/cp)
20/06/2019	09/07/2019	BDT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (606đ/cp)
20/06/2019	10/07/2019	BSL	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)
20/06/2019	19/07/2019	DAS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300đ/cp)
20/06/2019	20/06/2019	GMC	HSX	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 (tỷ lệ 100:15)
20/06/2019	20/06/2019	PSD	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:20)
20/06/2019	20/06/2019	TV2	HSX	Trả cổ tức đợt 2 năm 2018 (tỷ lệ 10:2)
21/06/2019	21/06/2019	ASA	Upcom	Giao dịch 10,000,000 cổ phiếu đăng ký giao dịch
21/06/2019	10/07/2019	GND	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,100đ/cp)
21/06/2019	21/06/2019	IVS	HNX	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019
21/06/2019	21/06/2019	SDP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

## Liên hệ

### Trụ sở chính

Tòa nhà TNR

Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.

ĐT: (+84 28) 3914 8585

Fax: (+84 28) 3821 6899

### Phòng Môi Giới Khách hàng Tổ chức

### Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng Môi Giới Khách hàng Tổ chức

(+84 28) 3914 8585 (x1444)

uyen.lh@kisvn.vn

## Khuyến cáo

Bản báo cáo này do **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)** phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ ràng - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ý thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.